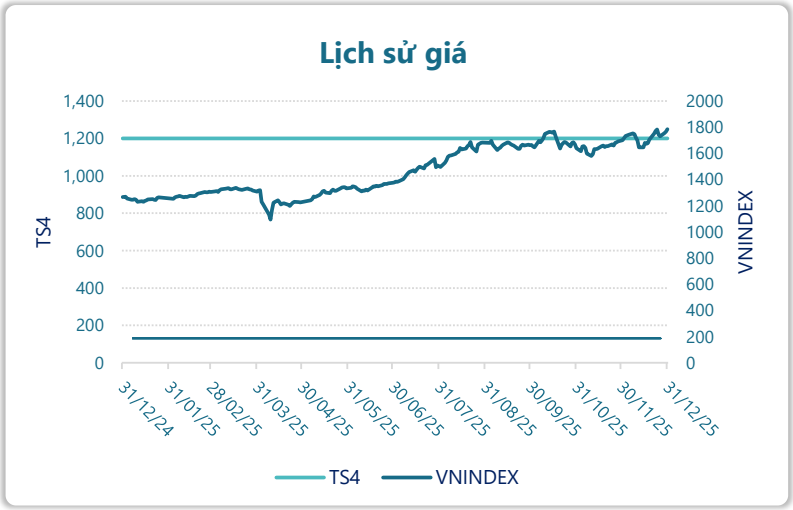
FireAnt

CTCP Thủy sản số 4 (UPCOM: TS4)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**1,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	1,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,200
SL cổ phiếu LH	16,051,594
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	19
P/E	-3.4
EPS	-356

DT thuần

Q4/25

14.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 12.7| 722%

LN sau thuế

Q4/25

-3.01

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.52| -21.0%

YoY: ▼0.45| -17.7%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

-8.2%

+/- YoY: ▲ 30.2%

DT thuần

2025

55.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 47.8| 603%

LN sau thuế

2025

-5.71

tỷ VNĐ

YoY: ▼1.41| -32.9%

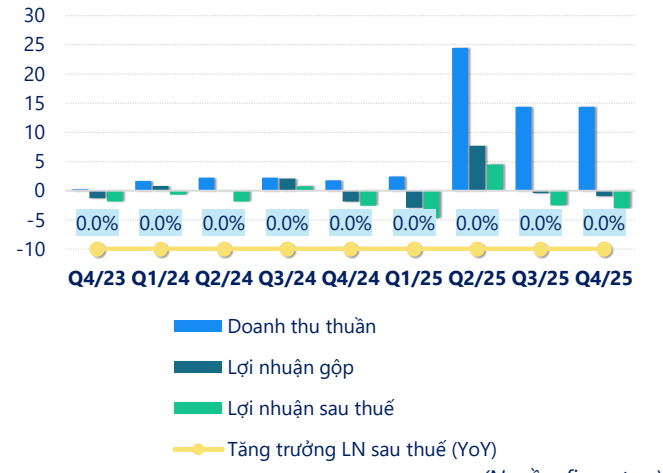
ROE

2025

1.1%

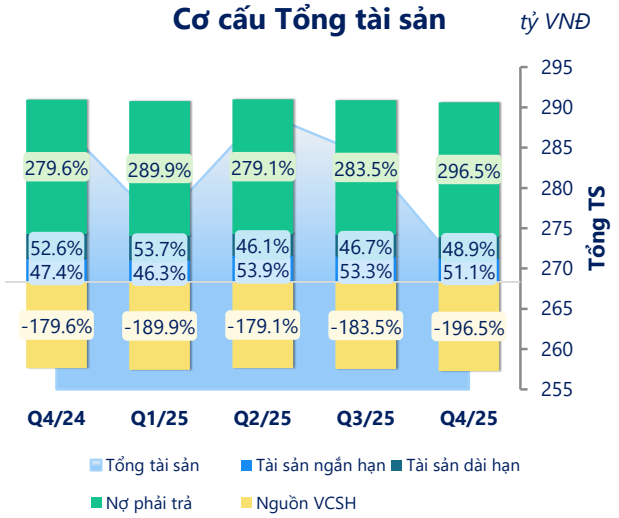
+/- YoY: ▲ 0.3%

Kết quả kinh doanh



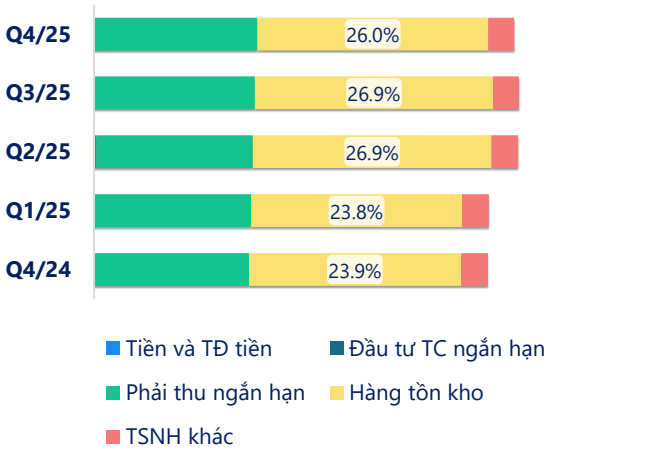
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



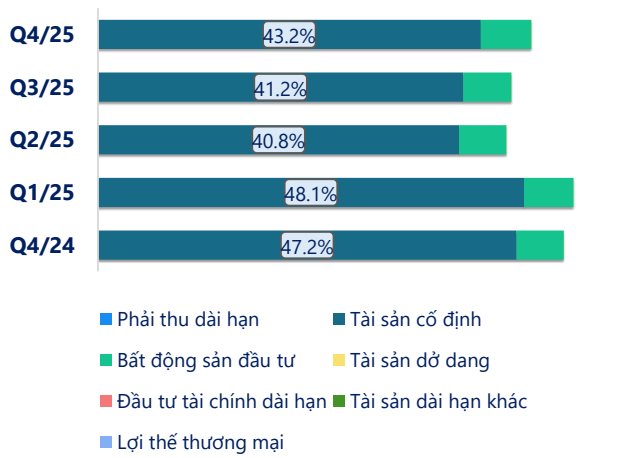
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



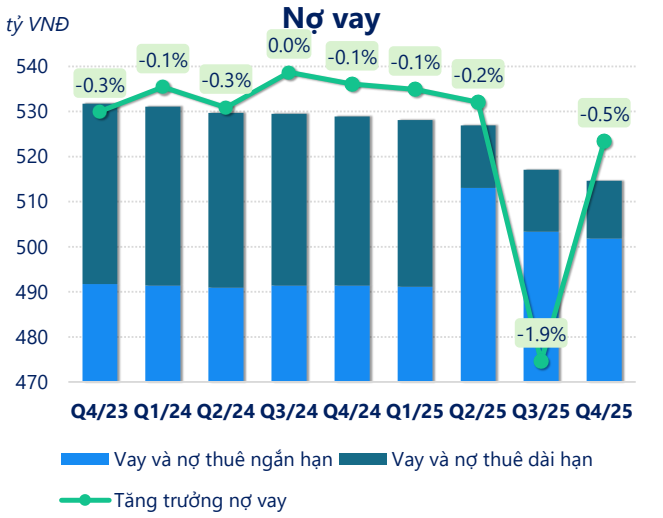
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



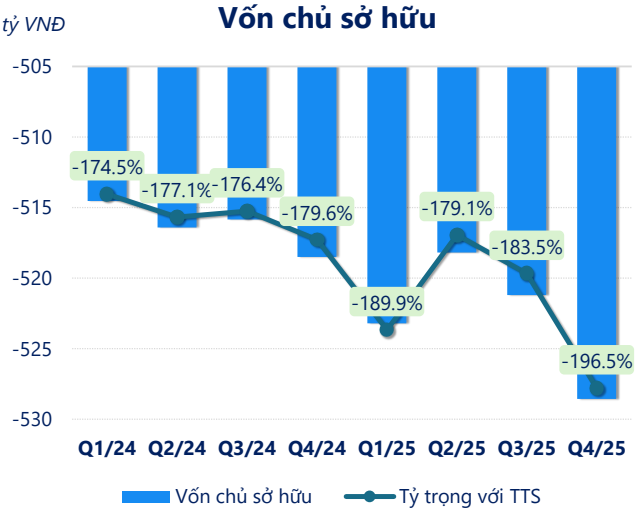
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



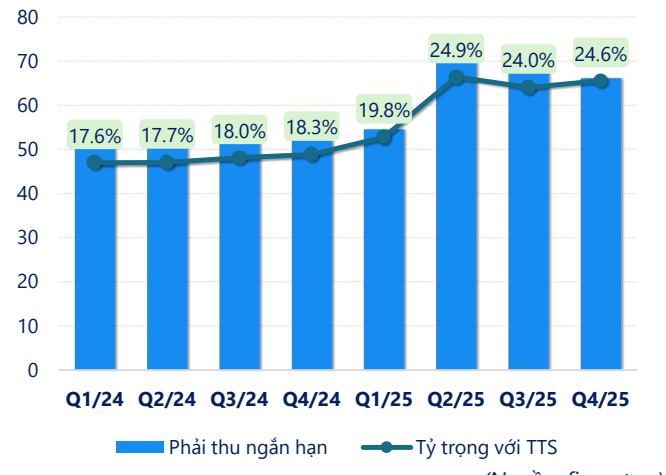
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



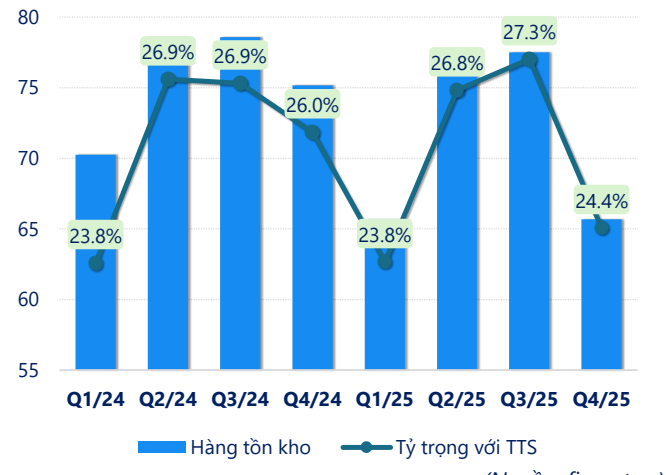
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



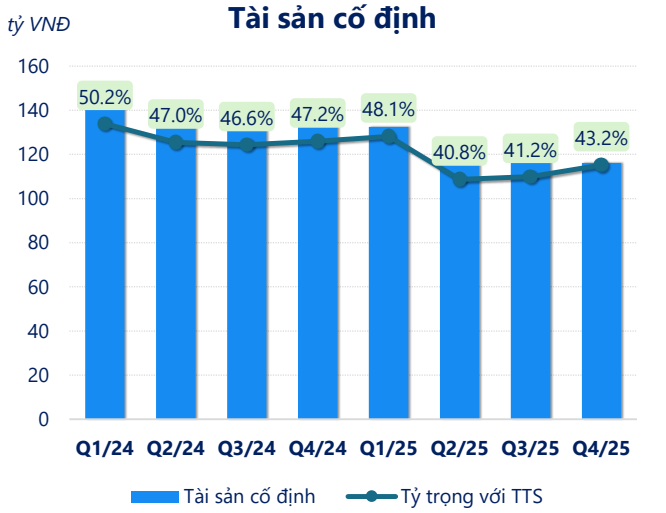
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



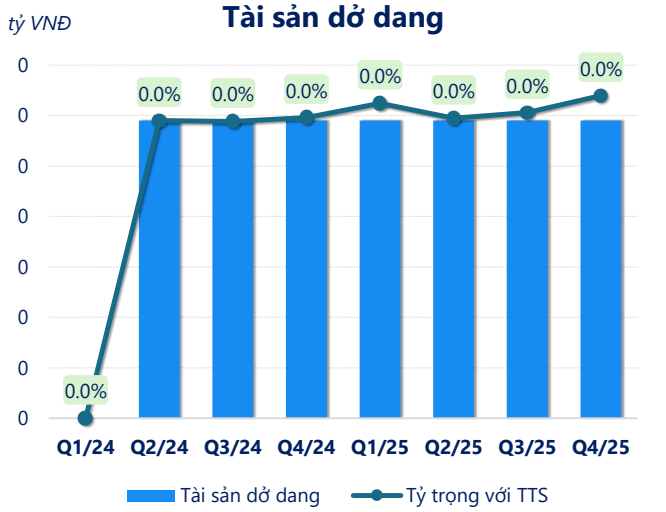
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



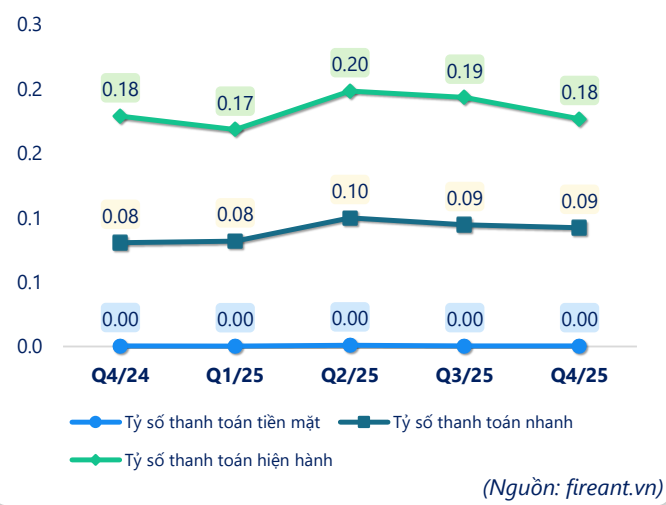
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



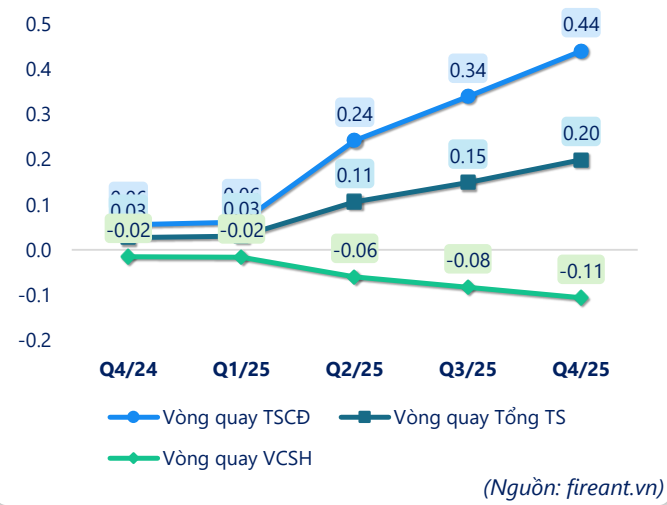
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**289**	**276**	**289**	**284**	**269**
Tài sản ngắn hạn	**137**	**128**	**156**	**152**	**137**
Tiền và tương đương tiền	0.35	0.25	0.75	0.30	0.28
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	52.9	54.5	72.1	68.2	66.1
Hàng tồn kho	75.2	65.7	77.4	77.5	65.7
Tài sản ngắn hạn khác	8.47	7.18	5.70	5.48	5.26
Tài sản dài hạn	**152**	**148**	**133**	**133**	**132**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	136	132	118	117	116
Bất động sản đầu tư	15.4	15.4	15.4	15.4	15.4
Tài sản dở dang	0.03	0.03	0.03	0.03	0.03
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0	0	0	0	0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**807**	**799**	**807**	**805**	**798**
Nợ ngắn hạn	**766**	**758**	**786**	**784**	**777**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	491	491	513	503	502
Phải trả người bán ngắn hạn	154	157	163	169	166
Nợ dài hạn	41.6	41.0	21.1	21.2	20.3
Vay và nợ thuê dài hạn	37.5	37.0	13.9	13.7	12.8
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-518**	**-523**	**-518**	**-521**	**-529**
Vốn chủ sở hữu	**-518**	**-523**	**-518**	**-521**	**-529**
Vốn điều lệ	162	162	162	162	162
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)